

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÃ NGÀNH : 7480201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
- Tên tiếng Anh: **INFORMATION TECHNOLOGY**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Hệ thống thông tin doanh nghiệp.
- Chuyên ngành 2. Mạng máy tính.
- Chuyên ngành 3. An toàn không gian mạng.
- Chuyên ngành 4. Trí tuệ nhân tạo.

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Công nghệ thông tin
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Information Technology

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ thông tin (CNTT) theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về công nghệ thông tin; có năng lực xây dựng và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, tiếp cận công nghệ tiên tiến; có khả năng tư duy độc lập, có năng lực học tập suốt đời, hội nhập toàn cầu và thích nghi với sự biến đổi của môi trường tự nhiên và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, về khoa học chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất; khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sâu của ngành CNTT để thích ứng tốt với những công việc khác nhau như nghiên cứu lý thuyết, đưa ra ý tưởng xây dựng mô hình, thiết kế kỹ thuật và phát triển giải pháp công nghệ, tư vấn, quản lý và sản xuất đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong lĩnh vực của ngành CNTT.

- PO2 (Kỹ năng). Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, khả năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thực tiễn, có kỹ năng phân tích dự án CNTT từ đó hoạch định quy trình thực hiện hiệu quả; Có kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng một hệ thống CNTT hoặc tư vấn giải pháp công nghệ, quản lý dự án CNTT ở các ngành, cơ quan, doanh nghiệp và trường học; Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của ngành CNTT để xây dựng và phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	41		32,8%
1.1	<i>Khoa học tự nhiên</i>	6	6	-	
1.2	<i>Khoa học chính trị</i>	11	11	-	
1.3	<i>Pháp luật</i>	3	3	-	
1.4	<i>Tin học</i>	3	3	-	
1.5	<i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>	18	18	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	36,0%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	<i>Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)</i>			√	
6.2	<i>Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)</i>		√		
	Tổng cộng	125	98 (78,4%)	27 (21,6%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						41							
1.1. Khoa học tự nhiên						6							
1.1.1	MAT1103	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	BB		3	3						
1.1.2	STA1101	Xác suất thống kê	Probability and Statistics	BB		3	3				MAT1103		
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.5. Ngoại ngữ						18							
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB		3	3						
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB		3	3						
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB		3	3						
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB		3	3						
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB		3	3						
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB		3	3						
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	ITE1203	Nhập môn lập trình	Introduction to Programming	BB		3	2	1					x
2.2	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	Programming Techniques	BB		3	2	1			ITE1203		x
2.3	ITE1209	Lý thuyết đồ thị	Graph Theory	BB		3	3				ITE1205		x
2.4	ITE1115E	Hệ điều hành	Operating Systems	BB	E	3	3						x
2.5	ITE1210E	Mạng máy tính	Computer Networking	BB	E	3	2	1					x
2.6	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	BB		3	2	1			ITE1205		x
3. Kiến thức chuyên ngành						45							
3.1	ITE1207	Cơ sở dữ liệu	Introduction to Databases	BB		3	2	1			ITE1206		x
3.2	ITE1208	Lập trình hướng đối tượng	Object-oriented Programming	BB		3	2	1			ITE1205		x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.3	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo	Introduction to Artificial Intelligence	BB		3	3						x
3.4	ITE1214	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Analytics and Design of Information Systems	BB		3	2	1			ITE1207		x
3.5	ITE1186E	Công nghệ phần mềm	Software Technology	BB	E	2	2						x
3.6	ITE1264E	Phát triển ứng dụng desktop	Desktop Application Development	BB	E	3	2	1			ITE1208		x
3.7	ITE1257E	Bảo mật thông tin	Information Security	BB	E	3	2	1					x
3.8	ITE1265E	Phát triển ứng dụng web	Web Application Development	BB	E	3	2	1			ITE1208		x
3.9	ITE1219E	Công nghệ Java	Java Technology	BB	E	3	2	1			ITE1208		x
3.10	ITE1221E	Lập trình trên thiết bị di động	Mobile Device Programming	BB	E	3	2	1			ITE1208		x
3.11	ITE1387	Kiến tập nghề nghiệp công nghệ thông tin	Information Technology Internship	BB		1				1	ITE1186E		x
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 4 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		Hệ thống thông tin doanh nghiệp	Enterprise Information System										
3.12.1	ITE1224E	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Advanced Databases	TC	E	3	2	1			ITE1207		
3.13.1	ITE1285E	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Enterprise Resource Planning	TC	E	3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.14.1	ITE1284E	Phân tích nghiệp vụ kinh doanh	Business Analytics	TC	E	3	3						
3.15.1	ITE1129E	Hệ thống thông tin quản lý	Management information Systems	TC	E	3	3				ITE1207		
3.16.1	ITE1488	Đồ án chuyên ngành hệ thống thông tin doanh nghiệp	Enterprise Information System Specialization Project	TC		3			3				
Chuyên ngành 2.		Mạng máy tính	Computer Networking										
3.12.2	ITE1235E	Mạng máy tính nâng cao	Advanced Computer Networking	TC	E	3	2	1			ITE1210E		
3.13.2	ITE1267E	Thiết kế mạng máy tính	Computer Networks Design	TC	E	3	2	1			ITE1210E		
3.14.2	ITE1241E	Quản trị mạng	Network Administrator	TC	E	3	2	1			ITE1210E		
3.15.2	ITE1255E	Lập trình mạng máy tính	Computer Network Programming	TC	E	3	2	1			ITE1210E		
3.16.2	ITE1489	Đồ án chuyên ngành mạng máy tính	Computer Networking Specialization Project	TC		3			3				
Chuyên ngành 3.		An toàn không gian mạng	Cyber Security										
3.12.3	ITE1268E	An toàn thông tin cho ứng dụng web	Information Security for Web Applications	TC	E	3	3				ITE1257E		
3.13.3	ITE1223E	An toàn hệ thống mạng máy tính	Computer Network Security	TC	E	3	3				ITE1210E		

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.14.3	ITE1258E	Điều tra số	Digital Forensics	TC	E	3	3				ITE1223E		
3.15.3	ITE1239E	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	Information Security Analytics and Evaluation	TC	E	3	3				ITE1223E		
3.16.3	ITE1490	Đồ án chuyên ngành an toàn không gian mạng	Cyber Security Specialization Project	TC		3			3				
Chuyên ngành 4.		Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence										
3.12.4	ITE1173E	Máy học	Machine Learning	TC	E	3	3				ITE1218		
3.13.4	ITE1174E	Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Application Development of Artificial Intelligence	TC	E	3	3				ITE1218		
3.14.4	ITE1181E	Thị giác máy tính	Computer Vision	TC	E	3	3				ITE1173E		
3.15.4	ITE1176E	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	Data Mining and Applications	TC	E	3	3				ITE1174E		
3.16.4	ITE1491	Đồ án chuyên ngành trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence Specialization Project	TC		3			3				
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3						
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.13	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.18	IRE1130	Nghệp vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						
4.30	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.31	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.32	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	ITE1360	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
5.2	ITE1446	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6				
5.3	ITE1447	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau)						3							
		<i>Nhóm 1</i>											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	ITE1203	Nhập môn lập trình	Introduction to Programming	BB			3	60	30	30			180	CNTT
03	1B	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	Programming Techniques	BB	ITE1203		3	60	30	30			180	CNTT
05	1B	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
08	2A	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	BB	ITE1205		3	60	30	30			180	CNTT
09	2B	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB			3	45	45				135	TA
10	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
11	2B	MAT1103	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	BB			3	45	45				135	CNTT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 2															
01	1A	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	ITE1209	Lý thuyết đồ thị	Graph Theory	BB	ITE1205		3	45	45				135	CNTT
03	1A	STA1101	Xác suất thống kê	Probability and Statistics	BB	MAT1103		3	45	45				135	CNTT
04	1B	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB			3	45	45				135	TA
05	1B	ITE1208	Lập trình hướng đối tượng	Object-oriented Programming	BB	ITE1205		3	60	30	30			180	CNTT
06	1B	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 - Boxing Physical Education 1 - Body-building Physical Education 1 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
			Cộng (HK 1A+1B)					16							

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
07	2A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
08	2A	ITE1115E	Hệ điều hành	Operating Systems	BB		E	3	45	45				135	CNTT
09	2A	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất - DanceSport 2	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education 2 - Boxing Physical Education 2 - Body-building Physical Education 2 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
10	2B	ITE1210E	Mạng máy tính	Computer Networking	BB		E	3	60	30	30			180	CNTT
11	2B	ITE1207	Cơ sở dữ liệu	Introduction to Databases	BB	ITE1206		3	60	30	30			180	CNTT
12	2B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
13	2B	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3 - Boxing Physical Education	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport											
			Cộng (HK 2A+2B)					17							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education					165						PĐT
Năm 3															
01	1A	ITE1186E	Công nghệ phần mềm	Software Technology	BB		E	2	30	30				90	CNTT
02	1A	ITE1214	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Analytics and Design of Information Systems	BB	ITE1207		3	60	30	30			180	CNTT
03	1A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
04	1B	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo	Introduction to Artificial Intelligence	BB			3	45	45				135	CNTT
05	1B	ITE1264E	Phát triển ứng dụng desktop	Desktop Application Development	BB	ITE1208	E	3	60	30	30			180	CNTT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
06	1B	ITE1257E	Bảo mật thông tin	Information Security	BB		E	3	60	30	30			180	CNTT
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
08	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC
09	2A	ITE1219E	Công nghệ Java	Java Technology	BB	ITE1208	E	3	60	30	30			180	CNTT
10	2A	ITE1265E	Phát triển ứng dụng web	Web Application Development	BB	ITE1208	E	3	60	30	30			180	CNTT
11	2B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
13	2B	ITE1221E	Lập trình trên thiết bị di động	Mobile Device Programming	BB	ITE1208	E	3	60	30	30			180	CNTT
14	2B	ITE1387	Kiến tập nghề nghiệp công nghệ thông tin	Information Technology Internship	BB			1					X		CNTT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 4															
01	1A		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	
		Chuyên ngành	<i>Hệ thống thông tin doanh nghiệp</i>	<i>Enterprise Information System</i>											
02	1A	ITE1224E	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Advanced Databases	TC	ITE1207	E	3	60	30	30			180	CNTT
03	1A	ITE1285E	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Enterprise Resource Planning	TC		E	3	45	45				135	CNTT
		Chuyên ngành	<i>Mạng máy tính</i>	<i>Computer Networking</i>											
02	1A	ITE1235E	Mạng máy tính nâng cao	Advanced Computer Networking	TC	ITE1210E	E	3	60	30	30			180	CNTT
03	1A	ITE1267E	Thiết kế mạng máy tính	Computer Networks Design	TC	ITE1210E	E	3	60	30	30			180	CNTT
		Chuyên ngành	<i>An toàn không gian mạng</i>	<i>Cyber Security</i>											

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
02	1A	ITE1268E	An toàn thông tin cho ứng dụng web	Information Security for Web Applications	TC	ITE1257E	E	3	45	45				135	CNTT
03	1A	ITE1223E	An toàn hệ thống mạng máy tính	Computer Network Security	TC	ITE1210E	E	3	45	45				135	CNTT
		Chuyên ngành	<i>Trí tuệ nhân tạo</i>	<i>Artificial Intelligence</i>											
02	1A	ITE1173E	Máy học	Machine Learning	TC	ITE1218	E	3	45	45				135	CNTT
03	1A	ITE1174E	Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Application Developmen of Artificial Intelligence	TC	ITE1218	E	3	45	45				135	CNTT
		Chuyên ngành	<i>Hệ thống thông tin doanh nghiệp</i>	<i>Enterprise Information System</i>											
04	1B	ITE1284E	Phân tích nghiệp vụ kinh doanh	Business Analytics	TC		E	3	45	45				135	CNTT
05	1B	ITE1129E	Hệ thống thông tin quản lý	Management information Systems	TC	ITE1207	E	3	45	45				135	CNTT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
06	1B	ITE1488	Đồ án chuyên ngành hệ thống thông tin doanh nghiệp	Enterprise Information System Specialization Project	TC			3				X			CNTT
		Chuyên ngành	<i>Mạng máy tính</i>	<i>Computer Networking</i>											
04	1B	ITE1241E	Quản trị mạng	Network Administrator	TC	ITE1210E	E	3	60	30	30			180	CNTT
05	1B	ITE1255E	Lập trình mạng máy tính	Computer Network Programming	TC	ITE1210E	E	3	60	30	30			180	CNTT
06	1B	ITE1489	Đồ án chuyên ngành mạng máy tính	Computer Networking Specialization Project	TC			3				X			CNTT
		Chuyên ngành	<i>An toàn không gian mạng</i>	<i>Cyber Security</i>											
04	1B	ITE1258E	Điều tra số	Digital Forensics	TC	ITE1223E	E	3	45	45				135	CNTT
05	1B	ITE1239E	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	Information Security Analytics and Evaluation	TC	ITE1223E	E	3	45	45				135	CNTT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
06	1B	ITE1490	Đồ án chuyên ngành an toàn không gian mạng	Cyber Security Specialization Project	TC			3				X			CNTT
		Chuyên ngành	<i>Trí tuệ nhân tạo</i>	<i>Artificial Intelligence</i>											
04	1B	ITE1181E	Thị giác máy tính	Computer Vision	TC	ITE1173E	E	3	45	45				135	CNTT
05	1B	ITE1176E	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	Data Mining and Applications	TC	ITE1174E	E	3	45	45				135	CNTT
06	1B	ITE1491	Đồ án chuyên ngành trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence Specialization Project	TC			3				X			CNTT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
07	2A	ITE1360	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		CNTT
			Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:												
08	2A	ITE1446	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC			6				X			CNTT
08	2A	ITE1447	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			CNTT
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN										Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành		Kiến thức bổ trợ		Thực tập thực tế		Kiến thức không tích lũy	
Năm 1				Năm 2				Năm 3				Năm 4									
HK 1A		HK 2A		HK 1A		HK 2A		HK 1A		HK 2A		HK 1A		HK 2A		HK 1A		HK 2A		HK 2A	
Nhập môn lập trình ITE1203 (3tc)		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật ITE1206 (3tc)		Xác suất thống kê STA1101 (3tc)		Project design 2 SKI1108 (3tc)		Triết học Mác-Lênin POL1111 (3tc)		(E) Phát triển ứng dụng web ITE1265E (3tc)		(E) Công nghệ java ITE1219E (3tc)		(E) Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo-ITE1174E (3tc)		(E) Máy học ITE1173E (3tc)		(E) Mạng máy tính nâng cao ITE1235E (3tc)			
Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)		Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)		Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)		Giáo dục thể chất 2 (1tc)		(E) Công nghệ phần mềm ITE1186E (2tc)		Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)		Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)		Trí tuệ nhân tạo ITE1174E (3tc)		Thiết kế mạng máy tính ITE1267E (3tc)					
Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)		Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)		Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)		(E) Mạng máy tính ITE1210E (3tc)		Trí tuệ nhân tạo ITE1218 (3tc)		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)		Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)		(E) Lập trình trên thiết bị di động ITE1221E (3tc)		Đồ án chuyên ngành trí tuệ nhân tạo ITE1491 (3tc)		(E) Lập trình mạng máy tính ITE1255E (3tc)			
Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)		Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)		Lập trình hướng đối tượng ITE1208 (3tc)		Môn tự chọn 1 (3tc)		(E) Phát triển ứng dụng desktop ITE1264E (3tc)		Bảo mật thông tin ITE1257E (3tc)				Hệ thống thông tin DN ITE1285E (3tc)		An toàn thông tin cho ứng dụng web ITE1268E (3tc)		(E) An toàn hệ thống mạng máy tính ITE1223E (3tc)		Chuyên đề /Khóa luận tốt nghiệp ITE1446/7 (6tc)	
Kỹ thuật lập trình ITE1205 (3tc)		Toán cao cấp MAT1103 (3tc)		Giáo dục thể chất 1 (1tc)		Cơ sở dữ liệu ITE1207 (3tc)		(E) Bảo mật thông tin ITE1257E (3tc)		Kiến tập nghề nghiệp Công nghệ thông tin ITE1387(1tc)				Hệ thống thông tin DN ITE1285E (3tc)		An toàn không gian mạng ITE1223E (3tc)		Thực tập tốt nghiệp ITE1360 (3tc)			
Ký hiệu sử dụng		Thông tin về môn học												Trí tuệ nhân tạo		An toàn không gian mạng					
Tên môn học		Mã môn (số tín chỉ)												Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
(E)		Môn học giảng bằng tiếng Anh												Trí tuệ nhân tạo		Mạng máy tính					
* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn: Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ		Danh sách môn tự chọn		Giáo dục sức khỏe tinh thần		Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp		Quản trị chiến lược toàn cầu						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Công dân số		• Khởi nghiệp		• Luật công bằng và tín thác		• Tâm lý giao tiếp						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản		• Luật thương mại		• Luật quốc tế		• Tư duy thẩm mỹ						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Đất nước học Nhật Bản		• Nghệ thuật học cơ bản		• Pháp luật về doanh nghiệp		• Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Đất nước học Trung Quốc		• Nghệ thuật lãnh đạo		• Phân tích dữ liệu ứng dụng		• Văn hóa truyền thống Hàn Quốc						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Địa lý kinh tế thế giới		• Nghiệp vụ ngoại giao		• Phát triển bền vững		• Văn minh nhân loại						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					
		• Giao tiếp liên văn hóa				• Quản lý tài chính cá nhân		• Văn hóa các nước Đông Nam Á						Hệ thống thông tin DN		An toàn không gian mạng					

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	MAT1103	Toán cao cấp	3	Học phần này giới thiệu một số phương pháp toán cơ bản được sử dụng rộng rãi trong các môn học chuyên ngành. Nội dung của học phần bao gồm: định thức; ma trận, hệ phương trình tuyến tính; hàm nhiều biến, phép tính vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2.
1.1.2	STA1101	Xác suất thống kê	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về xác suất cơ bản và các nguyên lý thống kê. Nội dung của học phần bao gồm: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê; lý thuyết tương quan và phương trình hồi quy tuyến tính đơn.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác-Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác–Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	ITE1203	Nhập môn lập trình	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lập trình với ngôn ngữ C. Mô tả cách giải quyết vấn đề bài toán dưới dạng ngôn ngữ tự nhiên, mã giả, lưu đồ. Kiến thức về hàm, chương trình con và sử dụng cấu trúc dữ liệu mảng để giải quyết các bài toán liên quan
2.2	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình với ngôn ngữ C. Sử dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, chuỗi, struct

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				để giải quyết các bài toán liên quan. Nắm được các khái niệm về con trỏ, đệ quy và cài đặt được các bài toán đơn giản với con trỏ và đệ quy. Thao tác với tập tin.
2.3	ITE1209	Lý thuyết đồ thị	3	Học phần Lý thuyết đồ thị cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán rời rạc và lý thuyết đồ thị. Học phần trang bị các kiến thức về toán rời rạc gồm đại số mệnh đề, vị từ và lượng từ, các quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự, đại số Boole; và các khái niệm cơ bản về đồ thị, một số định lý cơ bản trong lý thuyết đồ thị. Dựa trên các khái niệm, các định lý này, sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất,...
2.4	ITE1115E	Hệ điều hành	3	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu vị trí, vai trò của HĐH trong máy tính số. Các module chức năng của HĐH như quản lý CPU, quản lý process & thread, giám sát và điều khiển sự giao tiếp giữa các process, quản lý bộ nhớ ảo, quản lý hệ thống file, quản lý các thiết bị I/O, an ninh hệ thống... Các chiến lược, giải pháp và thuật toán được dùng để hiện thực từng module chức năng.
2.5	ITE1210E	Mạng máy tính	3	Học phần chọn cách trình bày theo tiếp cận top-down và sử dụng các giao thức thực tế của mạng Internet để minh họa. Theo đó các nội dung học phần theo thứ tự: mô hình kiến trúc mạng, dịch vụ ứng dụng mạng, nguyên lý hoạt động mạng lõi, và các kỹ thuật, tiêu chuẩn hạ tầng mạng cục bộ. Trong học phần sinh viên cũng được tiếp cận làm quen với việc phân tích giao thức bằng các công cụ như Telnet, Wireshark, giúp củng cố các nội dung đã tìm hiểu về lý thuyết
2.6	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Học phần cung cấp cho sinh viên cách phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc, kiến thức cơ bản về cách thức xây dựng các cấu trúc dữ liệu cơ bản. Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ, độ phức tạp thuật toán. Sử dụng các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết, các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp, duyệt cây.
3. Kiến thức chuyên ngành				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.1	ITE1207	Cơ sở dữ liệu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, tính độc lập dữ liệu, kiến trúc của một hệ cơ sở dữ liệu và phân loại các hệ cơ sở dữ liệu; mô hình dữ liệu, ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu, lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu, tổ chức dữ liệu vật lý, tối ưu hóa câu hỏi, an toàn và toàn vẹn dữ liệu
3.2	ITE1208	Lập trình hướng đối tượng	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về lập trình hướng đối tượng. Phân tích, thiết kế và hiện thực được một chương trình theo phương pháp hướng đối tượng. Áp dụng các phương pháp lập trình hướng đối tượng xây dựng những ứng dụng thực tế.
3.3	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo	3	Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, cách giải một số bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo như tô màu đồ thị, tìm kiếm lời giải, biểu diễn và xử lý tri thức, phân lớp
3.4	ITE1214	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện mô hình hóa một ứng dụng nhỏ theo phương pháp hướng đối tượng và tài liệu hóa dưới dạng ngôn ngữ UML.
3.5	ITE1186E	Công nghệ phần mềm	3	Học phần cung cấp kiến thức: giới thiệu các khái niệm cơ bản về phần mềm, các quy trình xây dựng và các phương pháp phát triển phần mềm. Các kỹ thuật mô hình hóa yêu cầu. Các kỹ thuật thiết kế phần mềm: dữ liệu, giao diện, xử lý. Các phương pháp kiểm chứng phần mềm.
3.6	ITE1264E	Phát triển ứng dụng desktop	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường Windows: cơ chế quản lý chương trình, lập trình giao diện đồ họa (GUI), thư viện liên kết động... Từ đó sinh viên có khả năng tự xây dựng được các ứng dụng hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải trên Windows bằng ngôn ngữ C#.
3.7	ITE1257E	Bảo mật thông tin	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về bảo mật hệ thống thông tin nói chung gồm các mô hình bảo mật, cơ chế bảo mật, mật mã học... và áp dụng vào bảo mật cơ sở hạ tầng, bảo mật wireless, bảo mật truyền thông, bảo mật web.
3.8	ITE1265E	Phát triển ứng dụng web	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về nền tảng xây dựng và phát triển ứng dụng Web ASP.NET MVC 5. Năm vững

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				kiến thức phát triển ứng dụng web, quản trị cơ sở dữ liệu SQL SERVER, Razor View Engine. Kỹ thuật lập trình với LINQ và Entity Framework sử dụng ASP.NET MVC và công cụ Visual Studio
3.9	ITE1219E	Công nghệ Java	3	Học phần cung cấp kiến thức về ngôn ngữ lập trình Java từ cơ bản đến nâng cao. Nắm vững phương pháp luận trong lập trình hướng đối tượng qua ngôn ngữ lập trình Java, sử dụng trong việc tạo ra các ứng dụng quản lý trên nền tảng web, trải nghiệm tốt trên các thiết bị. Tương tác với các loại cơ sở dữ liệu như MySQL, PostgreSQL, DB2 và SQL Server, và trình bày dữ liệu theo nhiều hình thức khác nhau
3.10	ITE1221E	Lập trình trên thiết bị di động	3	Học phần được xây dựng với các nội dung: kiến thức tổng quan về lập trình ứng dụng cho thiết bị di động; cách thức phát triển ứng dụng dạng Native trên nền tảng di động thông minh Android; lập trình xây dựng các thành phần cho ứng dụng Android: activity, service, content provider, broadcast receiver, intent.
3.11	ITE1387	Kiến tập nghề nghiệp công nghệ thông tin	1	Học phần "Kiến tập nghề nghiệp công nghệ thông tin" cung cấp cho sinh viên trải nghiệm thực tế thông qua thực tập, dự án thực tế và bài thực hành. Mục tiêu là giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào môi trường làm việc, phát triển kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị cho sự chuyển giao từ học thuật sang nghề nghiệp.
3.12.1	ITE1224E	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Học phần này tập trung chủ yếu vào việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản và nâng cao về thiết kế cơ sở dữ liệu. Nhờ đó sinh viên có khả năng tham gia phát triển cơ sở dữ liệu cho các dự án CNTT.
3.13.1	ITE1285E	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	Học phần giúp sinh viên sẽ được tiếp cận gần hơn với các quy trình phức tạp trong doanh nghiệp, qua đó hiểu rõ về cách thức vận hành, quản lý doanh nghiệp trong thực tiễn. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp, bao gồm các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính, quản lý nhu cầu, hoạch định phân phối, hoạch định sản xuất, vật tư, mua sắm, quản lý tồn kho, quản lý nhân lực,... Từ đó giúp nâng cao hiệu quả doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.14.1	ITE1284E	Phân tích nghiệp vụ kinh doanh	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ của doanh nghiệp, các kiến thức về quy trình kinh doanh, phân tích và thiết kế kỹ thuật để giải quyết các vấn đề kinh doanh ứng dụng công nghệ thông tin.
3.15.1	ITE1129E	Hệ thống thông tin quản lý	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thông tin, hệ thống thông tin và vai trò của chúng trong môi trường doanh nghiệp; các loại hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và lợi thế cạnh tranh; quá trình khởi tạo và phát triển hệ thống thông tin; quản lý dự án hệ thống thông tin; chiến lược và quản trị hệ thống thông tin.
3.16.1	ITE1488	Đồ án chuyên ngành hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	Học phần giúp người học hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án. Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án khoa học dữ liệu. Rèn luyện tính tự chủ, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc lập trong nghiên cứu.
3.12.2	ITE1235E	Mạng máy tính nâng cao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu vị trí, vai trò của HĐH trong máy tính số. Các module chức năng của HĐH như quản lý CPU, quản lý process & thread, giám sát và điều khiển sự giao tiếp giữa các process, quản lý bộ nhớ ảo, quản lý hệ thống file, quản lý các thiết bị I/O, an ninh hệ thống... Các chiến lược, giải pháp và thuật toán được dùng để hiện thực từng module chức năng.
3.13.2	ITE1267E	Thiết kế mạng máy tính	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan tới các kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng LAN, WLAN, WAN; kiến thức về quy trình các giai đoạn thiết kế hệ thống mạng; kiến thức về các phương pháp thiết kế hệ thống mạng. Trong học phần này, sinh viên cũng được tiếp cận làm quen với các mô hình mạng doanh nghiệp vừa và nhỏ, chức năng của các thiết bị trong thiết kế hệ thống, thiết kế và cấu hình cho hệ thống LAN, WLAN, WAN; sử dụng tốt phần mềm Packet Tracer để thiết kế hệ thống mạng.
3.14.2	ITE1241E	Quản trị mạng	3	Học phần nhằm đảm bảo cho sinh viên ngành mạng máy tính và truyền thông nắm vững kiến thức thực tế về việc xây dựng một hệ thống mạng máy tính tối ưu và cách thức giám sát, phát hiện các rủi ro gây ảnh hưởng đến hiệu suất mạng.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.2	ITE1255E	Lập trình mạng máy tính	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về cách thiết kế ứng dụng mạng như: ứng dụng mạng sử dụng giao tiếp hướng kết nối, ứng dụng mạng giao tiếp phi kết nối, ứng dụng mạng xử lý đồng bộ hoặc bất đồng bộ... Sinh viên cũng được trang bị các kiến thức nền tảng của chồng giao thức mạng và cách gói tin đi qua các tầng giao thức này nhằm xử lý những ứng dụng mạng phức tạp trong thực tế.
3.16.2	ITE1489	Đồ án chuyên ngành mạng máy tính	3	Học phần giúp người học hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án. Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án khoa học dữ liệu. Rèn luyện tính tự chủ, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc lập trong nghiên cứu.
3.12.3	ITE1268E	An toàn thông tin cho ứng dụng web	3	Học phần trình bày nhu cầu triển khai ứng dụng web an toàn trong môi trường mạng internet hiện nay, các kỹ thuật bảo vệ cốt lõi mà ứng dụng web hỗ trợ, các kỹ thuật tấn công ứng dụng web, các kỹ thuật quét lỗi cơ bản, các kỹ thuật mã hóa dữ liệu, các kỹ thuật web lỗi tự động và quét lỗi nhiều mặt.
3.13.3	ITE1223E	An toàn hệ thống mạng máy tính	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về an ninh mạng máy tính. Sinh viên nhận thức được những nguy cơ bảo mật có thể xảy ra đối với mạng máy tính. Ngoài việc xây dựng chính sách bảo mật thích hợp, sinh viên hiểu và hiện thực được một số kỹ thuật và công nghệ an ninh mạng phổ biến trong bảo mật hệ thống, web, mail, wireless...
3.14.3	ITE1258E	Điều tra số	3	Học phần cung cấp khả năng tổng quan về thu thập và phân tích dữ liệu. Quá trình điều tra tuân thủ theo một quy trình với các kỹ thuật cao. Môn học cung cấp kiến thức đa nền tảng như Windows, Linux... cho kỹ năng điều tra trên các chứng cứ thu được.
3.15.3	ITE1239E	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các định nghĩa cơ bản và các kiến thức liên quan đến lĩnh vực đánh giá an ninh. Ngoài ra, trang bị cho sinh viên các phương pháp tiếp cận khác nhau để đánh giá rủi ro và kết hợp chặt chẽ các trường hợp trong phân tích rủi ro xuất phát từ cơ quan nhà nước và

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thực thi pháp luật.
3.16.3	ITE1490	Đồ án chuyên ngành an toàn không gian mạng	3	Học phần giúp người học hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án. Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án khoa học dữ liệu. Rèn luyện tính tự chủ, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc lập trong nghiên cứu.
3.12.4	ITE1173E	Máy học	3	Học phần này giúp cho sinh viên có cái nhìn khái quát về máy học, hiểu được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của máy học, nắm được ý tưởng cơ bản và chi tiết giải thuật của các phương pháp máy học phổ biến như cây quyết định, mạng nơron nhân tạo, Bayes...
3.13.4	ITE1174E	Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và công cụ để phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực tế. Nền tảng Google Cloud Platform được giới thiệu trong môn học để phát triển các ứng dụng AI. Bao gồm các thư viện như AutoML, XGBoost, DialogFlow và TensorFlow.
3.14.4	ITE1181E	Thị giác máy tính	3	Học phần Thị giác máy tính (Computer vision) cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về mô hình camera, biểu diễn và xử lý ảnh ở mức thấp như lọc và phát hiện đường biên, ở mức độ bình như phân vùng ảnh và phân nhóm ảnh. Học phần sẽ giới thiệu một số kỹ thuật xử lý ảnh, phân tích ảnh, phân tích chuyển động, phân đoạn ảnh, rút trích các đặc trưng trên ảnh.
3.15.4	ITE1176E	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khai thác dữ liệu và những ứng dụng của nó vào các ngành khoa học khác. Học phần bao gồm các nội dung tổng quát liên quan đến quy trình khám phá tri thức từ dữ liệu và các nội dung chuyên sâu liên quan đến các kỹ thuật thông dụng trong khai thác dữ liệu như khai thác tập phổ biến và luật kết hợp, phân loại, gom cụm.
3.16.4	ITE1491	Đồ án chuyên ngành trí tuệ nhân tạo	3	Học phần giúp người học hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án. Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án khoa học dữ liệu. Rèn luyện tính tự chủ, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				lập trong nghiên cứu.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu		Học phần này trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần này có các nội dung chính: Toàn cầu hóa, Xã hội, Chính trị, Môi trường, Kỷ nguyên số, Xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.
4.11	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.12	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).
4.13	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.14	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.15	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.16	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.18	IRE1130	Nghịệp vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
4.19	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.
4.20	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí hủy diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.21	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.22	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.23	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.24	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột...làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu...Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.25	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Quản trị chiến lược toàn cầu là học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.26	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.27	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.28	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.29	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.30	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.31	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.
5. Thực tập thực tế				
5.1	ITE1360	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần này giúp sinh viên tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập. Kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp
5.2	ITE1446	Chuyên đề tốt nghiệp	6	Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức chuyên đề hoặc báo cáo khóa luận tốt nghiệp.
5.3	ITE1447	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức chuyên đề hoặc báo cáo khóa luận tốt nghiệp.
6. Kiến thức không tích lũy				
6.1. Giáo dục thể chất				Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport.
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)				Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO:

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học

tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang